

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26-3-2025

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Tân Thịnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tấn và ông Đỗ Văn Ngôn.

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Minh Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Ngô Văn Định - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị P, sinh năm 1988; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Tống Văn T, sinh năm 1982; (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn S, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Phạm Thị Phương trình B:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tống Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V (nay là thị xã V) vào tháng 10/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình chồng được khoảng 02 năm, sau đó vợ chồng ra ở riêng, tình cảm ban đầu vợ chồng chung sống hoà thuận và có với nhau hai người con.

Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn cho đến khoảng 2-3 năm sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T là người sống ích kỷ chỉ biết bản thân, không quan tâm đến gia đình, không trí thú làm ăn,

mọi việc trong gia đình để mặc chị lo liệu nên vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ cách nuôi dạy con đến trong cách cư xử, ứng xử, thời gian đầu tuy xảy ra không to tát nhưng thường xuyên dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, nhưng chị cũng cố cam chịu vì các con, hơn nữa do vất vả nên cũng cứ để mặc để hy vọng anh T sẽ thay đổi. Xong anh T vẫn bỏ mặc chị lo liệu cuộc sống. Cứ như vậy kéo dài đến tháng 12/2023 do chị xác định không thể lúu giữ được cuộc sống hôn nhân với anh T nữa, do vậy chị quyết định về gia đình để sống và vợ chồng chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Kể từ khi ly thân cho đến nay vợ chồng không hàn gắn tình cảm, hai bên gia đình thông gia cũng không gặp gỡ hòa giải, hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc về đoàn tụ là không thể, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tống Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Tống Văn G, sinh ngày 23/01/2007 và Tống Thị Trà M, sinh ngày 23/11/2008, khi ly thân các cháu sống cùng chị, đến nay cháu Tống Văn G đã đủ tuổi trưởng thành cháu sống với ai là quyền của cháu nên không đặt thành yêu cầu giải quyết. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Tống Thị Trà M, nếu chị được nuôi, chị không yêu cầu anh Tống Văn T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị, tuy nhiên chị cũng tôn trọng ý kiến của con, nếu cháu Tống Thị Trà M có nguyện vọng sống cùng anh Tống Văn T thì chị hoàn toàn đồng ý, không có gì vướng mắc.

- Tài sản chung, vay nợ: Vợ chồng không có gì vướng mắc, nay ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về ruộng đất nông nghiệp: Không có gì vướng mắc nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Phạm Thị P không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Phía anh Tống Văn T đã được tòa án triệu tập đến trụ sở tòa án làm việc nhưng không ký vào biên bản tổng đạt, không cung cấp bản tự khai. Tòa án cùng chính quyền địa phương đến nơi cư trú của anh Tống Văn T nhưng anh Tống Văn T không có mặt tại nơi cư trú nên không thể tiến hành ghi lời khai của anh Tống Văn T được.

Tại phiên Tòa chị Phạm Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Tống Văn T vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại các điều 70 và điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quy định tại các điều 70 và điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử: Về quan hệ hôn nhân: cho chị Phạm Thị Phương ly H với anh Tống Văn T.

Về con chung: Giao chị Phạm Thị P nuôi dưỡng cháu Tống Thị Trà M. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về án phí: chị Phạm Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 18 tháng 12 năm 2024 Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên tiến hành thụ lý vụ án. Quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành gửi, giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh Tống Văn T, yêu cầu anh Tống Văn T đến trụ sở Tòa án làm việc, anh T có đến trụ sở toà án nhưng không ký biên bản tổng đạt và cũng không trình bày quan điểm. Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình anh Tống Văn T làm việc, được gia đình (bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ anh Tống Văn T) xác nhận: Anh Tống Văn T hiện nay có hộ khẩu và đang chung sống cùng gia đình tại thôn S, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Anh Tống Văn T đang đi làm, thường xuyên không có mặt ở nhà và bà từ chối nhận thay cho anh Tống Văn T các văn bản tố tụng. Do vậy Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án đối với anh Tống Văn T theo trình tự tố tụng. Chị Phạm Thị P đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của anh Tống Văn T cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối Cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 192 BLTTDS năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Đây thuộc trường hợp người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, của người bị kiện thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú, gắn với việc

thực hiện quyền, nghĩa vụ mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Do vậy Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử khi chưa tiến hành lấy lời khai cũng như lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và làm thủ tục hòa giải giữa các đương sự là có căn cứ. Tòa án niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với anh Tổng Văn T. Ngày 10 tháng 3 năm 2025 Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhưng anh Tổng Văn T vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, đồng thời niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh Tổng Văn T. Chị Phạm Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử theo trình tự thủ tục chung.

[2] Do việc anh Tổng Văn Thịnh K trình bày quan điểm và không đến tòa án làm việc nên không ghi được lời khai của anh Tổng Văn T, tuy nhiên qua điều tra xác minh chính quyền địa phương và lời khai của gia đình anh Tổng Văn T thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Tổng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang vào ngày 15 tháng 01 năm 2005 đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị P và anh Tổng Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống cũng như trong sinh hoạt cuộc sống thường ngày, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, vợ chồng cùng hai bên gia đình không hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng chấm dứt quan hệ từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay không còn quan hệ gì với nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy: Thực tế vợ chồng đã ly thân từ năm 2023, kể từ khi ly thân cho đến nay hai bên không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa Phạm Thị P và anh Tổng Văn T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng cũng không thể có hạnh phúc. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị P là phù hợp với thực tế cuộc sống chung của vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, cần xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn với anh Tổng Văn T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Tổng Văn G, sinh ngày 23/01/2007 và Tổng Thị Trà M, sinh ngày 23/11/2008, hiện nay cháu Tổng Văn G đã đủ tuổi trưởng thành cháu sống cùng anh Tổng Văn T và bà nội, cháu Tổng Thị Trà M sống cùng chị. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Tổng Thị Trà M. cháu Tổng Thị Trà M có nguyện vọng sống cùng chị Phạm Thị

P. Xét thấy: Cháu Tổng Thị Trà M có nguyện vọng sống cùng chị Phạm Thị P. Nhằm đảm bảo tốt nhất sự phát triển về thể chất lẫn tinh thần cũng tránh sự xáo trộn không cần thiết, do vậy đề nghị của chị Phạm Thị P phù hợp với nguyện vọng của cháu Tổng Thị Trà M nên cần thiết tiếp tục giao cháu Tổng Thị Trà M cho chị Phạm Thị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị P không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ và ruộng đất: Chị Phạm Thị P xác định không có gì vướng mắc nên không đặt thành yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228, 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn anh Tổng Văn T.
- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tổng Thị Trà M, sinh ngày 23/11/2008.
- Cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Tài sản, vay nợ, ruộng, đất: Không giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, (xác nhận chị Phạm Thị P đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0001341 ngày 18/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang).

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND thị xã Việt Yên;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND xã Trung Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Vũ Tân Thịnh